

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2017/HSST
Ngày: 24-10-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Nam
2. Bà Đỗ Thị Hải.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Văn Dự – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2017 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố B (TP. B), tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 87/2017/HSST ngày 02 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Tú A (tên gọi khác: Út Kiếm); sinh năm 1988; tại: Lâm Đồng; NĐKNKTT: tổ X, phường Y, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: không nơi ở nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Không; con ông: Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1964; hiện đang định cư tại Hoa Kỳ; con bà: Bùi Thị Thu Th (đã chết); vợ: Nguyễn Thị Hồng V (đã ly hôn năm 2015) và có 02 người; con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 11/7/2017 cho đến nay, có mặt.

- Người bị hại:

Anh Hoàng Ánh L, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số N, đường M, phường Y, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Lưu Thị Mỹ L, sinh năm: 1995; nơi cư trú: T, xã L, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

Chị Nguyễn Thị Ngọc Th; sinh năm: 1993; nơi cư trú: Số Y, đường L, phường X, Tp. B, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Tú A là đối tượng không có nghề nghiệp. Khoảng

21 giờ ngày 07/7/2017 Nguyễn Tú A tới quán cháo vịt K ở tổ X, phường B', TP. B, tại quán lúc này có anh Hoàng Ánh L đang ngồi ăn uống, trên bàn có để 01 chìa khóa xe máy. Lợi dụng lúc anh L không chú ý, Nguyễn Tú A lấy chìa khóa xe máy của anh L bỏ vào túi quần. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, anh L vào trong quán cháo vịt nằm ngủ, phía ngoài anh L có dựng 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 49G1-187.63, thấy không có ai chú ý nên bị cáo sử dụng chìa khóa đã lấy trước đó của anh L mở khóa xe nổ máy chạy vào hướng huyện B. Đến sáng ngày 08/7/2017, Nguyễn Tú A mang xe tới cầm cho chị Lưu Thị Mỹ L, trú tại thôn T, xã L được số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Chị L lấy 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền lãi và đưa cho Nguyễn Tú A 5.700.000đ (năm triệu bảy trăm ngàn đồng). Số tiền này bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Theo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 45 ngày 11/7/2017 xác định chiếc xe mô tô của anh L bị chiếm đoạt có giá trị 30.400.000đ (ba mươi triệu bốn trăm ngàn đồng).

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu hồi lại được chiếc xe nêu trên và trả lại cho anh Hoàng Ánh L quản lý sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Lưu Thị Mỹ L yêu cầu được bồi thường số tiền 5.700.000đ (năm triệu bảy trăm ngàn đồng) là số tiền chị bỏ ra để cầm chiếc xe của Nguyễn Tú A trộm cắp. Hiện nay bị cáo chưa bồi thường.

Quá trình điều tra xác định Nguyễn Tú A còn có hành vi mượn xe của anh Huỳnh Văn T mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cụ thể như sau: Vào tối ngày 22/5/2017 Nguyễn Tú A tới quán Internet S ở địa bàn phường B', TP. B chơi. Tại đây Nguyễn Tú A mượn xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 49H1-262.32 của anh Huỳnh Văn T để đi mượn tiền về trả tiền internet, anh T đồng ý. Sau khi mượn xe, Nguyễn Tú A đi mượn tiền nhưng không được nên nảy sinh ý định cầm chiếc xe của anh T lấy tiền tiêu xài. Nguyễn Tú A chạy xe qua tiệm game bắn cá ở số X, đường H, phường Y, TP. B hỏi mượn của chị Nguyễn Thị Ngọc Th số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) và để chiếc xe của anh T lại cho chị Th giữ để làm tin. Số tiền này Nguyễn Tú A sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Theo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 60 ngày 05/8/2017 của Hội đồng định giá TP. B xác định chiếc xe mô tô của anh T bị chiếm đoạt có giá trị 12.900.000đ (mười hai triệu chín trăm ngàn đồng).

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu hồi lại được chiếc xe nêu trên và trả lại cho anh Huỳnh Văn T quản lý sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại xe anh T không yêu cầu bồi thường gì thêm. Chị Nguyễn Thị Ngọc Th không yêu cầu giải quyết về vấn đề bồi thường mà tự thỏa thuận việc bồi thường với bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã nêu, không thắc mắc, khiếu nại gì đối với nội dung của bản cáo trạng.

Bản Cáo trạng số 88/CT-VKS ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân TP. B, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Nguyễn Tú A về tội “Trộm cắp tài

sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Nguyễn Tú A lợi dụng sơ hở của anh Hoàng Ánh L trộm cắp tài sản trị giá 30.400.000đ (ba mươi triệu bốn trăm ngàn đồng); lợi dụng lòng tin của anh Huỳnh Văn T mượn tài sản trị giá 12.900.000đ (mười hai triệu chín trăm ngàn đồng) đem cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân, hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đại diện Viện kiểm sát rút một phần quyết định truy tố đối với tình tiết tăng nặng: Phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; khoản 1 Điều 140; điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo A từ 15 đến 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; từ 12 đến 15 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của hai tội và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý trả tài sản cho người bị hại nên đề nghị không xem xét. Phần dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Lưu Thị Mỹ L số tiền 5.700.000đ (năm triệu bảy trăm ngàn đồng).

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an TP. B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TP. B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Nguyễn Tú A có hành vi lợi dụng sơ hở của anh Hoàng Ánh L lén lút trộm cắp tài sản trị giá 30.400.000đ (ba mươi triệu bốn trăm ngàn đồng); lợi dụng lòng tin của anh Huỳnh Văn T mượn tài sản trị giá 12.900.000đ (mười hai triệu chín trăm ngàn đồng) đem cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân, hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định khoản 1 Điều 138 và khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình

sự, do vậy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định trong Bộ luật Hình sự để giảm hình phạt cho bị cáo: Bị cáo thành khẩn khai báo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Xét thấy: Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tính răn đe, giáo dục.

[3]. Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã lại tài sản cho người bị hại nên không xem xét.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Chị Lưu Thị Mỹ L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền chi bỏ ra để cầm cố chiếc xe bị cáo trộm cắp, đây là yêu cầu chính đáng phù hợp quy định của pháp luật cần buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Lưu Thị Mỹ L số tiền 5.700.000đ (năm triệu bảy trăm ngàn đồng).

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tú A phạm tội “ Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tú A 15 (mười lăm) tháng tù, về tội “ Trộm cắp tài sản”, 12 (mười hai) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 27 (hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/7/2017.

2/ Về phần dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự Điều 584, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Lưu Thị Mỹ L số tiền 5.700.000đ (năm triệu bảy trăm ngàn đồng).

3/ Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 285.000đ (hai trăm tám mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo, riêng người bị hại, người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân

dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. B;
- Người tham gia tố tụng
- Chi cục T.H.A dân sự tp. B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đình Tú

